

Số: /BC-STC

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường tháng 2 năm 2021 và công tác quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

1. Tổng quan về tình hình giá cả thị trường tháng 02/2021

Theo báo cáo của Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, tháng 02/2021 là tháng trùng vào Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, nhu cầu mua hàng hóa của người dân tăng mạnh, tuy nhiên do tác động mạnh của dịch bệnh COVID-19 lên toàn bộ hoạt động của nền kinh tế đã làm cho giá cả của các mặt hàng tiêu dùng, đặc biệt là một số mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm biến động mạnh, cùng với đó giá xăng dầu, gas tăng trong tháng đã làm cho một số ngành như giao thông, nhà ở, điện nước tăng so với tháng trước.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 02/2021 tăng 1,69% so với tháng trước, tăng 2,80% so với cùng kỳ năm trước, tăng 1,61% so với tháng 12 năm trước. Chỉ số giá bình quân tăng 2,01%.

Trong tháng 02/2021, giá cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng có xu hướng tăng mạnh so với tháng trước. Có 09/11 nhóm hàng tăng giá, trong đó tăng mạnh nhất là nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng, tăng 5,37% do giá điện sinh hoạt tăng 27,4% so với tháng trước. Nguyên nhân làm cho giá điện tăng trở lại là do Chính phủ chỉ hỗ trợ giảm giá tiền điện do dịch COVID-19 trong 3 tháng 10,11,12 năm 2020, giá gas tăng 4,56%, giá dầu hỏa tăng 6,82%. Tiếp đến là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, tăng 1,77% là do nhu cầu tiêu dùng trong dịp tết Nguyên đán tăng mạnh, mà cụ thể lương thực, tăng 2,39%; thực phẩm, tăng 1,66% chủ yếu tăng ở giá thịt lợn, tăng 4,39%, giá các loại thịt gia cầm cũng tăng mạnh do nhu cầu dịp Tết tăng...; Ăn uống ngoài gia đình, tăng 1,71%. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác, tăng 1,32% là do cuối năm giá các dịch vụ cá nhân như cắt tóc, gội đầu, uốn tóc đều tăng. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch, tăng 1,21% do giá hoa ngày tết và vé xem phim tăng song chỉ ở mức thấp không cao so với cùng kỳ năm trước. Nhóm giao thông, tăng 1,15% là do giá vé trông giữ xe máy và giá vé xe taxi tăng cùng với đó là giá xăng dầu tăng vào ngày 26/01/2021 làm cho giá xăng dầu tăng. Nhóm thiết bị và đồ dùng, tăng 0,86% là do tiền công thuê người giúp việc, dọn dẹp vệ sinh tăng 6,9%. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế, tăng 0,22% là do giá nhóm nha khoa tăng 3,08% do nhu cầu làm đẹp của người dân trong dịp tết đến. Ở chiều ngược lại chỉ có 01 nhóm hàng giảm giá là nhóm may

mặc, mũ nón và giày dép, giảm 0,12% là do người dân chủ yếu đã sắm sửa trong tháng 01/2021, cùng với đó sức mua của người dân bị giảm mạnh do tác động của dịch COVID-19. Nhóm hàng bưu chính viễn thông tiếp tục duy trì được sự ổn định không tăng so với tháng trước. Giá vàng tháng 02/2021 tăng 1,05% là do ảnh hưởng của ngày vía thần tài (ngày 10 tháng 01 âm lịch).

Giá Đôla Mỹ giảm 0,21% so với tháng trước là do những biến động về tình hình kinh tế và chính trị trên thế giới. Sức mua của loại hàng hóa này cũng ở mức bình thường.

(Chi tiết Bảng thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ kèm theo)

2. Công tác quản lý nhà nước về giá trong tháng 02/2021

- Đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 12 thửa đất tại xã Ea Blang, thị xã Buôn Hồ; giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất trên địa bàn huyện Ea H'Leo;

- Đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá xe ô tô sau khi thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo Nghị định số 04//2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ (đợt 2);

- Báo cáo thực hiện bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán năm 2021; Giá thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán Tân Sửu;

- Thực hiện định giá tài sản trong tổ tụng hình sự theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

- Thẩm định giá mua sắm tài sản công; giá mua sắm vật tư hàng hóa, máy móc thiết bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng và thời gian quy định.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tháng 02/2021 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Giá - Bộ Tài chính;
- VP Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLG&CS (Lan).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Danh Thắng

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THÁNG 02 NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày / /2021 của Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ trước	Giá kỳ này	Mức tăng (giảm)	Tỷ lệ tăng (giảm) (%)	Nguồn thông tin	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8-7)	(10)=(9/7)	(11)	(12)
I	01	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM									
1	01.0001	Gạo tẻ thường		đ/kg	Giá bán lẻ	14.117	14.461	344	0,02	Trực tiếp thu thập	
2	01.0002	Gạo tẻ ngon		đ/kg	Giá bán lẻ	18.360	18.733	373	0,02	Trực tiếp thu thập	
3	01.0003	Thịt heo hơi		đ/kg	Giá bán lẻ	79.500	78.467	(1.033)	(0,01)	Trực tiếp thu thập	
4	01.0004	Thịt heo nạc thăn		đ/kg	Giá bán lẻ	144.470	151.273	6.803	0,05	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
5	01.0005	Thịt bò thăn		đ/kg	Giá bán lẻ	285.000	284.567	(433)	(0,00)	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
6	01.0006	Thịt bò bắp	Bắp hoa, loại 200 - 300 gram/cái	đ/kg	Giá bán lẻ	249.900	248.220	(1.680)	(0,01)	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
7	01.0007	Gà ta	Còn sống, loại 1,5 - 2kg /1 con	đ/kg	Giá bán lẻ	135.840	140.560	4.720	0,03	Trực tiếp thu thập	
8	01.0008	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng, loại 1,5 - 2kg /1 con	đ/kg	Giá bán lẻ	62.820	57.900	(4.920)	(0,08)	Trực tiếp thu thập	
9	01.0009	Giò lụa	Loại 1 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	166.000	167.000	1.000	0,01	Trực tiếp thu thập	
10	01.0010	Cá lóc	Loại 700 - 800 gram/1 con	đ/kg	Giá bán lẻ	85.000	86.400	1.400	0,02	Trực tiếp thu thập	
11	01.0011	Cá chép	Loại 2 con/1 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	78.300	78.933	633	0,01	Trực tiếp thu thập	
12	01.0012	Tôm rảo, tôm nuôi nước ngọt	Loại 40 - 45 con/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	220.000	229.333	9.333	0,04	Trực tiếp thu thập	
13	01.0013	Bắp cải trắng	Loại to vừa khoảng 0,5-1kg/bắp	đ/kg	Giá bán lẻ	9.240	8.207	(1.033)	(0,11)	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
14	01.0014	Cải xanh	Cải ngọt	đ/kg	Giá bán lẻ	26.400	25.800	(600)	(0,02)	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
15	01.0015	Bí xanh	Quả từ 1-2 kg	đ/kg	Giá bán lẻ	14.675	14.773	98	0,01	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
16	01.0016	Cà chua	Quả to vừa, 8-10 quả/kg	đ/kg	Giá bán lẻ	10.635	11.047	412	0,04	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
17	01.0017	Muối hạt Visa chef	Gói 01 kg	đ/kg	Giá kê khai	8.600	8.600	-	-	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
18	01.0018	Dầu thực vật Simple đậu nành	Chai 01 lít	đ/lít	Giá bán lẻ	47.000	47.000	-	-	Trực tiếp thu thập	Siêu thị

19	01.0019	Đường tinh luyện Biên Hòa	Gói 01 kg	đ/kg	Giá kê khai	18.850	18.887	37	0,00	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
20	01.0020	Sữa bột dùng cho trẻ em	Sữa bột dùng cho trẻ em 1 tuổi, hộp 400g, nhãn DIELAC	đ/hộp	Giá bán lẻ	358.800	358.800	-	-	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
II	02	VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP									
21	02.0001	Giống lúa Nếp 97, cấp NC		đ/kg	Giá bán buôn	18.000	18.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
22	02.0002	Giống lúa Thiên ưu 8, cấp XN1		đ/kg	Giá bán buôn	18.000	18.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
23	02.0003	Giống lúa RVT, cấp XN1		đ/kg	Giá bán buôn	19.000	19.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
24	02.0004	Giống lúa Đài thơm 8, cấp XN1		đ/kg	Giá bán buôn	19.000	19.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
25	02.0005	Giống lúa ML48		đ/kg	Giá bán buôn	11.000	11.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
26	02.0006	Giống ngô HN88, cấp F1		đ/kg	Giá bán buôn	275.000	275.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
27	02.0007	Giống ngô LVN10, cấp F1		đ/kg	Giá bán buôn	41.000	41.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
28	02.0008	Giống ngô MX4		đ/kg	Giá bán buôn	49.000	49.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
29	02.0009	Giống ngô HN90		đ/kg	Giá bán buôn	140.000	140.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
30	02.0010	Giống ngô HN92		đ/kg	Giá bán buôn	125.000	125.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
31	02.0011	Hạt giống Xà lách xoăn su tử hạt đen Phú Nông	Gói 5 gram	đ/gói	Giá bán lẻ	12.660	13.580	920	0,07	Trực tiếp thu thập	
32	02.0012	Hạt giống Cải bẹ xanh mỡ cao sản Phú Nông	Gói 20 gram	đ/gói	Giá bán lẻ	8.000	8.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
33	02.0013	Hạt giống Cải non Phú Nông	Gói 20 gram	đ/gói	Giá bán lẻ	9.800	9.800	-	-	Trực tiếp thu thập	
34	02.0014	Hạt giống bầu sao F1 Phú Nông	Gói 1 gram	đ/gói	Giá bán lẻ	9.500	9.500	-	-	Trực tiếp thu thập	
35	02.0015	Hạt giống Đậu cove hạt trắng Phú Nông	Gói 10 gram	đ/gói	Giá bán lẻ	9.875	9.833	(42)	(0,00)	Trực tiếp thu thập	
36	02.0016	Vac-xin Lở mồm long móng	25 liều/ 50ml; Công ty Navetco	đ/liều	Giá bán buôn	18.900	18.900	-	-	Thông báo giá của doanh nghiệp	

37	02.0017	Vac-xin Tai xanh (PRRS)	Nhược độc chủng BG08 (chủng Bắc Mỹ) - 10 liều; Công ty Navetco	đ/liều	Giá bán buôn	25.095	25.095	-	-	Thông báo giá của doanh nghiệp	
38	02.0018	Thuốc thú ý (TA - AMOX LA)	Chứa hoạt chất: Amoxicillin; Hãng sản xuất: Oliver; Xuất xứ: Việt Nam; Quy cách: 100ml/chai	đ/chai	Giá bán buôn	175.000	175.000	-	-	Thông báo giá của doanh nghiệp	
39	02.0019	Thuốc trừ sâu ANVADO 100WP	Chứa hoạt chất: Imidacloprid; Hãng sản xuất: Công ty Việt Thắng Bắc Giang; Xuất xứ: Việt Nam; Quy cách: 100gram/gói	đ/gói	Giá bán lẻ	15.000	15.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
40	02.0020	Thuốc trừ bệnh RIDOMIL GOLD	Chứa hoạt chất: Mancozeb và Metalaxy; Hãng sản xuất: Syngenta; Xuất xứ: Việt Nam; Quy cách: 100gram/gói	đ/gói	Giá bán lẻ	43.000	43.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
41	02.0021	Thuốc trừ cỏ CONFORE 480SL	Chứa hoạt chất: Glyphosate; Hãng sản xuất: Công ty TNHH ADC; Xuất xứ: Việt Nam; Quy cách: 1 lít/chai	đ/chai	Giá bán lẻ	101.750	99.000	(2.750)	(0,03)	Trực tiếp thu thập	
42	02.0022	Phân đạm urê Phú Mỹ	Bao 50kg	đ/kg	Giá bán lẻ	8.550	7.400	(1.150)	(0,13)	Trực tiếp thu thập	
43	02.0023	Phân NPK 16-8-16-13S-TE Bình Điền	Bao 50kg	đ/kg	Giá bán lẻ	11.150	10.800	(350)	(0,03)	Trực tiếp thu thập	
III	03	ĐỒ UỐNG									
44	03.0001	Nước khoáng Aquafina	Chai nhựa 500ml	đ/chai	Giá bán lẻ	4.100	4.100	-	-	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
45	03.0002	Rượu vang Đà Lạt	Chai 750ml	đ/chai	Giá bán lẻ	107.540	120.753	13.213	0,12	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
46	03.0003	Pepsi	Thùng 24 lon 330ml	đ/thùng 24 lon	Giá bán lẻ	182.600	195.920	13.320	0,07	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
47	03.0004	Bia lon Sài Gòn Laser	Thùng 24 lon 330ml	đ/thùng 24 lon	Giá bán lẻ	226.200	232.160	5.960	0,03	Trực tiếp thu thập	Siêu thị
IV	04	VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CHẤT ĐÓT, NƯỚC SINH HOẠT									
48	04.0001	Xi măng PCB30 Sông Gianh	Bao 50kg	đ/bao	Giá kê khai	85.000	85.000	-	-	Thống kê giá kê khai	
49	04.0002	Thép xây dựng	Thép cuộn phi 6	đ/kg	Giá kê khai	18.180	18.180	-	-	Thống kê giá kê khai	

50	04.0003	Cát xây	Mua rời dưới 2m ³ /lần	đ/m ³	Giá bán lẻ	327.000	327.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
51	04.0004	Cát vàng	Mua rời dưới 2m ³ /lần	đ/m ³	Giá bán lẻ	334.000	334.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
52	04.0005	Cát đen đổ nền	Mua rời dưới 2m ³ /lần	đ/m ³	Giá bán lẻ	153.000	153.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
53	04.0006	Gạch xây	Gạch thẻ đất sét nung thủ công: 50 x 80 x 180mm	đ/viên	Giá bán lẻ	446	446	-	-	Trực tiếp thu thập	
54	04.0007	Ống nhựa Bình Minh	Phi 90 x 2,9mm (6bar)	đ/m	Giá bán lẻ	53.680	53.680	-	-	Trực tiếp thu thập	
55	04.0008	Gas Petrolimex Sài Gòn	Loại bình 12kg	đ/kg	Giá bán lẻ	365.700	413.000	47.300	0,13	Thông báo giá của doanh nghiệp	
56	04.0009	Nước sạch sinh hoạt	Công ty Cổ phần Cấp nước Đắc Lắc cung cấp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột	đ/m ³	Giá bán lẻ	6.660	6.660	-	-	Quyết định của UBND tỉnh	Trung bình 10m ³ đầu tiên
V	05	THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI									
57	05.0001	Thuốc tim mạch Tên thương mại: Cardilopin	Hoạt chất Amlodipin 10 mg Nhà sản xuất: EGIS PHARMACEUTICALS PLC Nước sản xuất: Hungary Quy cách đóng gói: 3vi/hộp Đường dùng: Uống	đ/vi 10 viên	Giá bán lẻ	20.000	20.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
58	05.0002	Thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng Tên thương mại: Cefuroxim	Hoạt chất Cefuroxim 500 mg Nhà sản xuất: Công ty CP Dược phẩm Cửu Long Nước sản xuất: Việt Nam Quy cách đóng gói: 4vi/hộp Đường dùng: Uống	đ/vi 5 viên	Giá bán lẻ	30.000	30.000	-	-	Trực tiếp thu thập	

59	05.0003	Thuốc dị ứng và các trường hợp quá mẫn cảm Tên thương mại: Imexofen 60	Hoạt chất Imexofenadin 60 mg Nhà sản xuất: Công ty CP Dược phẩm IMEXPHARM Nước sản xuất: Việt Nam Quy cách đóng gói:	đ/vi 10 viên	Giá bán lẻ	18.000	18.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
60	05.0004	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid và thuốc điều trị gut và các bệnh xương Tên thương mại: Paracetamol	Hoạt chất Paracetamol 500 mg Nhà sản xuất: Công ty CP Dược phẩm Imexpharm Nước sản xuất: Việt Nam Quy cách đóng gói:	đ/vi 10 viên	Giá bán lẻ	6.000	6.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
61	05.0005	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp Tên thương mại: AECYSMUX	Hoạt chất N-acetylcystein 200mg Nhà sản xuất: Công ty CP Dược phẩm Cửu Long Nước sản xuất: Việt Nam Quy cách đóng gói: 10vi/hộp Đường dùng: Uống	đ/vi 10 viên	Giá bán lẻ	4.000	4.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
62	05.0006	Thuốc vitamin và khoáng chất Tên thương mại: Vitamin B6	- Hoạt chất: Vitamin B6 - Nhà sản xuất: Công ty CP hóa dược phẩm Mekopharm - Nước sản xuất: Việt Nam - Quy cách đóng gói: Hộp/10vi - Đường dùng: Uống	đ/vi 10 viên	Giá bán lẻ	6.000	6.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
63	05.0007	Thuốc đường tiêu hóa Tên thương mại: Motilium-M	Hoạt chất Omeprazone 10 mg Nhà sản xuất: Công ty OLIC (THAILAND) LIMITED Nước sản xuất: Thái Lan Quy cách đóng gói:	đ/vi 10 viên	Giá bán lẻ	22.000	22.000	-	-	Trực tiếp thu thập	

64	05.0008	Hóc môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết Tên thương mại: Siofor 500	Hoạt chất Metformin 500mg Nhà sản xuất: Berlin - Chemie AG Nước sản xuất: Thái Lan Quy cách đóng gói: 10vi/hộp Đường dùng: Uống	đ/vi 10 viên	Giá bán lẻ	10.200	10.100	(100)	(0,01)	Trực tiếp thu thập	
65	05.0009	Thuốc khác Tên thương mại: Sulfaprim	Hoạt chất Sulfamethoxazol 400mg Nhà sản xuất: Công ty CO hóa dược phẩm Mekopharm Nước sản xuất: Việt Nam Quy cách đóng gói: 10vi/hộp Đường dùng: Uống	đ/vi 20 viên	Giá bán lẻ	18.000	18.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
VI	06	DỊCH VỤ Y TẾ									
66	06.0001	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	38.700	38.700	-	-	Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên	
67	06.0002	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1		đ/lượt	Giá bán lẻ	226.500	226.500	-	-		
68	06.0003	Siêu âm		đ/lượt	Giá bán lẻ	43.900	43.900	-	-		
69	06.0004	X-quang số hóa 1 phim		đ/lượt	Giá bán lẻ	65.400	65.400	-	-		
70	06.0005	Xét nghiệm tể bào cận nước tiểu hoặc cận Adis		đ/lượt	Giá bán lẻ	43.100	43.100	-	-		
71	06.0006	Điện tâm đồ		đ/lượt	Giá bán lẻ	32.800	32.800	-	-		
72	06.0007	Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết		đ/lượt	Giá bán lẻ	244.000	244.000	-	-		
73	06.0008	Hàn composite cổ răng		đ/ngày	Giá bán lẻ	337.000	337.000	-	-		
74	06.0009	Châm cứu (có kim dài)		đ/lượt	Giá bán lẻ	72.300	72.300	-	-		
75	06.0010	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh,	đ/lượt	Giá bán lẻ	20.000	20.000	-	-		Áp dụng cho 1 vi
76	06.0011	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1		đ/lượt	Giá bán lẻ	100.000	100.000	-	-		
77	06.0012	Siêu âm		đ/lượt	Giá bán lẻ	55.000	55.000	-	-		
78	06.0013	X-quang số hóa 1 phim		đ/lượt	Giá bán lẻ	83.000	83.000	-	-		

79	06.0014	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu hoặc cận Adis	chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt	Giá bán lẻ	55.700	55.700	-	-	Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên	
80	06.0015	Điện tâm đồ		đ/lượt	Giá bán lẻ	41.600	41.600	-	-		
81	06.0016	Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết		đ/lượt	Giá bán lẻ	312.000	312.000	-	-		
82	06.0017	Hàn composite cổ răng		đ/ngày	Giá bán lẻ	432.900	432.900	-	-		
83	06.0018	Châm cứu (có kim dài)		đ/lượt	Giá bán lẻ	92.400	92.400	-	-		
84	06.0019	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	đ/lượt	Giá bán lẻ	40.000	40.000	-	-	Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh	
85	06.0020	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1		đ/lượt	Giá bán lẻ	240.000	240.000	-	-		
86	06.0021	Siêu âm		đ/lượt	Giá bán lẻ	80.000	80.000	-	-		
87	06.0022	X-quang số hóa 1 phim		đ/lượt	Giá bán lẻ	69.000	69.000	-	-		
88	06.0023	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu hoặc cận Adis		đ/lượt	Giá bán lẻ	40.000	40.000	-	-		
89	06.0024	Điện tâm đồ		đ/lượt	Giá bán lẻ	45.900	45.900	-	-		
90	06.0025	Nội soi thực quản-dạ dày- tá tràng ống mềm không sinh thiết		đ/lượt	Giá bán lẻ	186.000	186.000	-	-		
91	06.0026	Hàn composite cổ răng	đ/ngày	Giá bán lẻ	210.000	210.000	-	-			
VII	07	GIAO THÔNG									
92	07.0001	Trông giữ xe máy		đ/lượt	Giá bán lẻ	3.000	3.000	-	-		
93	07.0002	Trông giữ ô tô		đ/lượt	Giá bán lẻ	15.000	15.000	-	-		
94	07.0003	Giá cước ô tô đi đường dài	Tuyến Buôn Ma Thuột - Hồ Chí Minh; xe chất lượng cao, giường nằm, máy lạnh	đ/vé	Giá kê khai	380.000	410.400	30.400	0,08	Thống kê giá kê khai	
95	07.0004	Giá cước xe buýt công cộng	Đi nội tỉnh, dưới 30km	đ/vé	Giá kê khai	20.000	20.000	-	-	Thống kê giá kê khai	
96	07.0005	Giá cước taxi	10km đầu, loại xe 4 chỗ	đ/km	Giá bán lẻ	12.000	12.000	-	-	Thông báo giá của doanh nghiệp	
97	07.0006	Xăng E5 Ron 92		đ/lít	Giá bán lẻ	16.177	16.670	494	0,03	Thông báo giá của doanh nghiệp	
98	07.0007	Xăng Ron 95		đ/lít	Giá bán lẻ	17.172	17.665	494	0,03		
99	07.0008	Dầu Diezel		đ/lít	Giá bán lẻ	12.868	13.354	487	0,04		
VIII	08	DỊCH VỤ GIÁO DỤC									

100	08.0001	Dịch vụ giáo dục trường mầm non công lập	Trường Mầm non 10/3	đ/tháng		55.000	55.000	-	-		
101	08.0002	Dịch vụ giáo dục trường trung học cơ sở công lập (lớp 8)	Trường THCS Phan Chu Trinh	đ/tháng		35.000	35.000	-	-		
102	08.0003	Dịch vụ giáo dục trường trung học phổ thông công lập (lớp 11)	Trường THCS Buôn Ma Thuột	đ/tháng		50.000	50.000	-	-		
103	08.0004	Dịch vụ giáo dục đào tạo nghề công lập	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đắk Lắk; ngành nghề đào tạo: Kỹ thuật công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn du lịch	đ/tháng		750.000	750.000	-	-		
104	08.0005	Dịch vụ giáo dục đào tạo cao đẳng công lập	Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk; ngành nghề đào tạo: Sư phạm	đ/tháng		630.000	630.000	-	-		
105	08.0006	Dịch vụ giáo dục đào tạo đại học công lập	Trường Đại học Tây Nguyên; ngành nghề đào tạo: Kế toán	đ/tín chỉ		280.000	280.000	-	-		
IX	09	GIẢI TRÍ VÀ DU LỊCH									
106	09.0001	Du lịch trọn gói trong nước	Cho 1 người gói 2 ngày 1 đêm: từ Buôn Ma Thuột đến Nha Trang	đ/người /chuyến		1.750.000	1.750.000	-	-	Vietravel Buôn Ma Thuột	
107	09.0002	Phòng khách sạn 3 sao hoặc tương đương	1 giường đôi, có tivi, điều hòa, nước nóng, điện thoại cố định, vệ sinh khép kín, Wifi	đ/ngày-đêm		540.000	540.000	-	-	Khách sạn Bạch Mã	
108	09.0003	Phòng nhà khách tư nhân	1 giường, điều hoà, nước nóng-lạnh, phòng vệ sinh khép kín	đ/ngày-đêm		250.000	250.000	-	-	Trực tiếp thu thập	
X	10	VÀNG, ĐÔ LA MỸ									
109	10.0001	Vàng 99,99%	Kiểu nhẫn tròn 1 chỉ	1000 đ/chỉ		55.190	54.833	(357)	(0,01)	Trực tiếp thu thập	
110	10.0002	Đô la Mỹ	Loại tờ 100USD	đ/USD		23.164	23.104	(60)	(0,00)	Giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương	